
Bản án số: 27/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 12/11/2019

(v/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành.
- Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Quyết và ông Đinh Công Hiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: “**Tranh chấp hôn nhân và gia đình**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1975.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970.

Đều trú tại: thôn L, xã G, huyện V, tỉnh N.

Chị H có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 01/12/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn L, xã G, huyện V. Vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới mẹ con chị, rất nhiều lần như thế chị đã cố gắng nhẫn nhịn khuyên bảo mong anh T thay đổi nhưng không có kết quả khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm

trọng, tình cảm rạn nứt. Đến năm 2012 chị không thể chịu đựng hơn được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn L, xã G để sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng chị có với nhau hai con chung là các cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/1995 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/4/1997. Hiện cả cháu H và H đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân T theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 09/8/2019 (có xác nhận của trưởng thôn và phụ nữ thôn L, xã G) đã xác nhận thời điểm kết hôn, cuộc sống chung và mâu thuẫn vợ chồng giữ chị H và anh T đúng như những gì chị H đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T có địa chỉ tại thôn L, xã G, huyện V, tỉnh N. Tòa án nhân dân huyện V áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn L, xã G, huyện V, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo trình bày của chị H là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới vợ con khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không

còn nên tháng 5/2012 chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã G, huyện V để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Bản thân anh T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thật sự trầm trọng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, xử cho chị H được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Xuân T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân T có với nhau hai con chung là các cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/1995 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/4/1997. Hiện cả cháu H và H đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung đồng thời anh T không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0001272, ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện V;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Hà Thiện Thành